TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2019.
V/v: "Ly hôn giữa anh H và chị H"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lê Văn Viện.

Bà: Ngô Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa***:

Ông: Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh: Trần Văn H Sinh năm: 1987(*Vắng mặt)*

Địa chỉ:Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị H Sinh năm: 1991*(Vắng mặt)*

Địa chỉ:Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Hiện đang tạm trú tại Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018 được bổ sung tại bản tự khai ngày 17/12/2018, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn vào ngày 13/10/2010, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình

thường đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, anh đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Quỳnh N sinh ngày 20/10/2011. Hiện cháu đang ở cùng chị. Nay ly hôn anh đề nghị được nhường quyền nuôi con chung cho chị H.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Trần Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019, bị đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn H bắt đầu chung sống từ năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Đinh. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hòa hợp về lối sống, tính cách, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh H hay đi đánh bạc, không chăm lo cho gia đình. Anh H bỏ nhà đi từ năm 2013, chị cùng con về nhà mẹ đẻ sinh sống. Đến năm 2015-2016, khi chị bị bệnh nặng nên anh H có quay về thăm chị nhưng sau đó đi tiếp. Cuối năm 2017 chị đã vào ấp P, xã P, huyện C sống. Chị và anh H đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay. Nay anh H xin ly hôn, chị đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Trần Quỳnh N sinh ngày 20/10/2011. Hiện cháu đang ở cùng chị. Nay ly hôn, anh H nhường quyền nuôi con chung cho chị, chị đồng ý và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị H; Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con chung là Trần Quỳnh N sinh ngày 20/10/2011, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H có đơn thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định giải quyết vụ án hôn nhân gia đình. Vì vậy căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Anh H và chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2010, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống do vợ chồng không có sự hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ cuối năm 2013 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay anh H và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ; anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, chị H nhất trí. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh H và chị H nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn H đối với chị Trần Thị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị 01 con chung là Trần Quỳnh N sinh ngày 20/10/2011. Hiện cháu đang ở cùng chị H. Sau khi xem xét ý kiến của các đương sự cũng như nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử thấy để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung nên giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị H cùng xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí: Anh Trần Văn H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1.Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Trần Thị H.

2.Về nuôi con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi con chung là Trần Quỳnh N sinh ngày 20/10/2011, chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0002137 ngày 17/12/2018.

4.Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn H và chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã Nam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường